

ĐỀ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG ĐẦU NĂM – ĐỀ SỐ 1

MÔN TOÁN: LỚP 5

BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

Câu 1: Chữ số 3 trong 253768 chỉ:

- A. 300 B. 3000 C. 30 000 D. 300 000

Câu 2: Phân số nào bằng phân số $\frac{5}{8}$

- A. $\frac{15}{32}$ B. $\frac{20}{40}$ C. $\frac{25}{40}$ D. $\frac{10}{24}$

Câu 3: Phân số $\frac{25}{300}$ được rút gọn thành phân số tối giản là:

- A. $\frac{15}{60}$ B. $\frac{1}{40}$ C. $\frac{1}{12}$ D. $\frac{5}{50}$

Câu 4: Một hình bình hành có diện tích là 192 cm^2 , chiều cao 12 cm. Độ dài đáy tương ứng của hình đó là:

- A. 32 cm B. 16 cm C. 8 cm D. 64 cm

Câu 5: Năm 1254 thuộc thế kỉ:

- A. XI B. XII C. XIII D. XIV

Câu 6: Số thích hợp để điền vào chỗ chấm $105\text{dm}^2 8\text{cm}^2 = \dots\dots\dots\text{cm}^2$

- A. 1058 B. 10508 C. 10580 D. 15008

Câu 7: Tính diện tích hình thoi có độ dài các đường chéo của hình thoi là 72cm và 58cm.

- A. 2188cm^2 B. 4176cm^2 C. 2088cm^2 D. 260cm^2

Câu 8: Số cùng chia hết cho 3 và 5 là:

- A. 960 B. 921 C. 730 D. 14

Câu 9. Kết quả của phép tính $\frac{3}{8} + \frac{2}{5}$ là:

- A. $\frac{3}{4}$ B. $\frac{6}{40}$ C. $\frac{31}{40}$ D. $\frac{27}{40}$

Câu 10. Kết quả của phép tính $\frac{9}{10} - \frac{5}{8}$ là:

- A. $\frac{1}{4}$ B. $\frac{11}{40}$ C. $\frac{25}{80}$ D. $\frac{1}{10}$

Câu 11. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

$$479 \times 208 = \dots\dots\dots$$

Câu 12. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Câu 1

Phương pháp: Đọc và viết số, xác định chữ số 3 trong số 253768 có giá trị là bao nhiêu.

Cách giải:

Số 253768 viết là: hai trăm năm mươi ba nghìn bảy trăm sáu mươi tám.

Chữ số 3 trong số 253768 chỉ 3 000.

Chọn B.

Câu 2

Phương pháp: Nhân nhẩm cả tử và mẫu của phân số đã cho với các số 2, 3, 4, 5. Ta được một phân số bằng với phân số đã cho.

Cách giải: Ta có: $\frac{5}{8} = \frac{5 \times 5}{8 \times 5} = \frac{25}{40}$.

Chọn C.

Câu 3

Phương pháp: Chia cả tử số và mẫu số của phân số $\frac{25}{300}$ cho 25 ta được phân số tối giản.

Cách giải: Ta có: $\frac{25}{300} = \frac{25 : 25}{300 : 25} = \frac{1}{12}$.

Chọn C.

Câu 4

Phương pháp: Muốn tính độ dài đáy của một hình bình hành ta lấy diện tích hình bình hành chia cho chiều cao.

Cách giải:

Độ dài đáy tương ứng của hình bình hành là:

$$192 : 12 = 16 \text{ (cm)}$$

Đáp số: 16 cm.

Chọn B.

Câu 5

Phương pháp:

Với các năm có 4 chữ số ta lấy 2 chữ số đầu tiên cộng với 1 thì ra thế kỉ của năm đó.

Lưu ý: Năm có hai chữ số 00 ở cuối thì ta không cộng thêm.

Cách giải: Năm 1254 thuộc thế kỉ thứ 13 hay XIII.

Chọn C.

Câu 6

Phương pháp: Lưu ý khi đổi đơn vị diện tích, và $1 \text{ dm}^2 = 100 \text{ cm}^2$.

Cách giải:

Ta có $105 \text{ dm}^2 \ 8 \text{ cm}^2 = 10508 \text{ cm}^2$

Vậy số cần điền là: 10508.

Chọn B.

Câu 7

Phương pháp: Diện tích hình thoi bằng tích của độ dài hai đường chéo chia cho 2 (cùng đơn vị đo)

$$S = \frac{m \times n}{2}$$

(Trong đó: S là diện tích hình thoi, m, n là độ dài của hai đường chéo).

Cách giải:

Diện tích của hình thoi là:

$$\frac{72 \times 58}{2} = 2088 (\text{cm}^2)$$

Đáp số: 2088 cm^2

Chọn C.

Câu 8

Cách giải:

Ta thấy số 960 và số 730 có tận cùng là 0 nên nó chia hết cho 5.

Số 960 có tổng các chữ số là 15 chia hết cho 3, vậy số 960 chia hết cho 3.

Số 730 có tổng các chữ số là 10 không chia hết cho 3, nên số 730 không chia hết cho 3.

Do đó: trong các số đã cho, chỉ có duy nhất số 960 vừa chia hết cho 3, vừa chia hết cho 5.

Chọn A.

Câu 9

Phương pháp

Muốn trừ hai phân số khác mẫu ta quy đồng mẫu số hai phân số đó rồi trừ tử cho nhau và giữ nguyên mẫu.

Cách giải

$$\frac{9}{10} - \frac{5}{8} = \frac{72}{80} - \frac{50}{80} = \frac{72-50}{80} = \frac{22}{80} = \frac{11}{40}$$

Chọn B.

Câu 10**Phương pháp**

Muốn trừ hai phân số khác mẫu ta quy đồng mẫu số hai phân số đó rồi trừ tử cho nhau và giữ nguyên mẫu.

Cách giải

$$\frac{9}{10} - \frac{5}{8} = \frac{72}{80} - \frac{50}{80} = \frac{72-50}{80} = \frac{22}{80} = \frac{11}{40}$$

Chọn **B**.

Câu 11**Phương pháp giải**

Thực hiện đặt tính rồi tính theo quy tắc đã học.

Lời giải chi tiết

Ta có $479 \times 208 = 99\ 632$

Vậy số cần điền vào ô trống là 99 632.

Câu 12**Phương pháp giải**

Thực hiện đặt tính phép chia theo quy tắc đã học.

Lời giải chi tiết

$$\begin{array}{r} 79284 \quad | \quad 36 \\ 72 \quad | \quad \underline{2202} \\ 084 \\ 12 \end{array}$$

$79\ 284 : 36 = 2202$ (dư 12)

Câu 13**Phương pháp**

Muốn tìm thừa số chưa biết ta lấy tích chia cho thừa số đã biết.

Cách giải

$$x \times \frac{3}{8} = \frac{9}{16}$$

$$x = \frac{9}{16} : \frac{3}{8}$$

$$x = \frac{9}{16} \times \frac{8}{3}$$

$$x = \frac{3}{2}$$

Câu 14**Phương pháp giải**

Nhóm các phân số có cùng mẫu số với nhau rồi thực hiện các phép tính.

Lời giải chi tiết

$$\begin{aligned} M &= \frac{2}{9} + \frac{3}{7} + \frac{15}{13} + \frac{4}{7} - \frac{2}{13} + \frac{7}{9} \\ &= \left(\frac{2}{9} + \frac{7}{9}\right) + \left(\frac{3}{7} + \frac{4}{7}\right) + \left(\frac{15}{13} - \frac{2}{13}\right) \\ &= 1 + 1 + 1 \\ &= 3 \end{aligned}$$

Câu 15**Phương pháp giải**

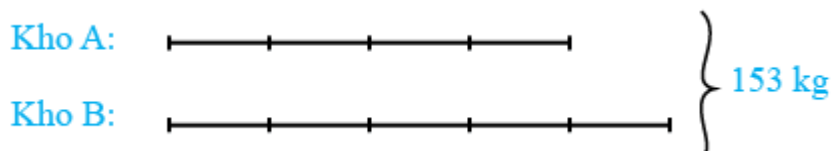
Đổi đơn vị sang tạ, sau đó giải bài toán khi biết tổng và tỉ số của hai số đó.

Vẽ sơ đồ, tìm tổng số phần bằng nhau, tìm giá trị 1 phần, từ đó tìm được giá trị của mỗi số.

Lời giải chi tiết

$$\text{Đổi 15 tấn 3 tạ} = 150 \text{ tạ} + 3 \text{ tạ} = 153 \text{ tạ.}$$

Ta có sơ đồ:



Tổng số phần bằng nhau là:

$$4 + 5 = 9 \text{ (phần)}$$

Một phần là:

$$153 : 9 = 17 \text{ (tạ)}$$

Số thóc kho A là:

$$17 \times 4 = 68 \text{ (tạ)}$$

Số thóc kho B là:

$$17 \times 5 = 85 \text{ (tạ)}$$

Đáp số: Kho A: 68 tạ thóc;

Kho B: 85 tạ thóc.

Câu 16**Phương pháp giải**

- Tính chiều rộng mảnh vườn = Chiều dài $\times \frac{2}{3}$
- Tính diện tích mảnh vườn hình chữ nhật
- Số ki-lô-gam cà chua thu hoạch được = Diện tích mảnh vườn $\times 10$

Lời giải chi tiết

Chiều rộng mảnh vườn hình chữ nhật là:

$$15 \times \frac{2}{3} = 10 \text{ (m)}$$

Diện tích mảnh vườn hình chữ nhật là:

$$15 \times 10 = 150 \text{ (m}^2\text{)}$$

Số ki-lô-gam cà chua thu hoạch được trên thửa ruộng đó là:

$$10 \times 150 = 1500 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 1500 kg.

Câu 17**Phương pháp giải**

- Đổi 200 km sang đơn vị cm
- Lấy kết quả vừa tìm được chia cho 4 000 000

Lời giải chi tiết

Đổi 200 km = 20 000 000 cm

Khoảng cách giữa hai thành phố trên bản đồ là $20\,000\,000 : 4\,000\,000 = 5$ cm

Chọn **D**.

Câu 18**Phương pháp giải**

Áp dụng cách đổi 1 tấn = 1 000 kg ; 1 yến = 10 kg

Lời giải chi tiết

Ta có 47 tấn 6 yến = 47 060 kg

Chọn **D**.

Câu 19**Phương pháp giải:**

Bước 1: Vẽ sơ đồ

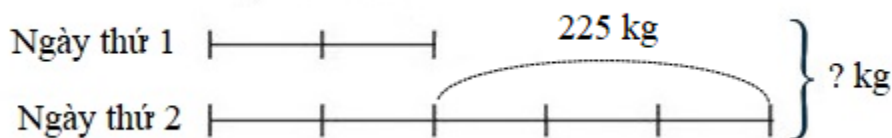
Bước 2: Tìm hiệu số phần bằng nhau và giá trị của 1 phần

Bước 3: Số gạo bán được trong ngày thứ nhất bằng giá trị 1 phần nhân với số phần của ngày thứ nhất.

Bước 4: Tìm số gạo bán được trong ngày thứ hai.

Bước 5: Tìm số gạo bán được ở cả hai ngày.

Lời giải chi tiết



Hiệu số phần bằng nhau là

$$5 - 2 = 3 \text{ (phần)}$$

Số ki-lô-gam gạo bán được trong ngày thứ nhất là

$$225 : 3 \times 2 = 150 \text{ (kg)}$$

Số ki-lô-gam gạo bán được trong ngày thứ hai là

$$150 + 225 = 375 \text{ (kg)}$$

Cả hai ngày cửa hàng bán được số ki-lô-gam gạo là

$$150 + 375 = 525 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 525 kg gạo

Câu 20

Phương pháp giải

- Tìm chu vi mảnh vườn hình chữ nhật = (chiều dài + chiều rộng) x 2
- Tìm cạnh của hình vuông = Chu vi hình vuông : 4
- Tìm diện tích hình vuông = Độ dài cạnh x độ dài cạnh

Lời giải chi tiết

Chu vi mảnh vườn hình chữ nhật là

$$(11 + 7) \times 2 = 36 \text{ (m)}$$

Vườn hoa hình vuông có chu vi bằng chu vi hình chữ nhật nên chu vi vườn hình vuông là 36 m

Độ dài cạnh vườn hoa hình vuông là

$$36 : 4 = 9 \text{ (m)}$$

Diện tích vườn hình vuông là

$$9 \times 9 = 81 \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số: 81 m²

--- HẾT ---

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiai

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaiha

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiai

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaiha

Loigiaihay.com